

Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2026/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lành Văn D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **31 tháng 3 năm 2026**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **31 tháng 3 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Lò Thị N và anh Lành Văn D.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Lò Thị N và anh Lành Văn D** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: **Chị Lò Thị N và anh Lành Văn D** có 02 con chung là **Lành Thị O, sinh ngày 27/9/2008 và Lành Văn H, sinh ngày 03/01/2010.** **Chị N và anh D** thoả thuận, thống nhất sau khi ly hôn:

Anh **Lành Văn D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con **Lành Văn H, sinh ngày 03/01/2010** cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; **Chị Lò Thị N** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con **Lành Thị O, sinh ngày 27/9/2008** cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Lành Văn D và chị Lò Thị N** đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung **chị Lò Thị N và anh Lành Văn D** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn **chị Lò Thị N và bị đơn anh Lành Văn D** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. **Chị Lò Thị N** tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà **anh Lành Văn D** phải chịu. Tổng cộng **chị Lò Thị N** phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận **chị Lò Thị N** đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000073 ngày 25/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lai Châu. Nay trả lại cho **chị Lò Thị N** 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lai Châu;
- UBND xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Tuyết Thanh

